

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2026/DS-PT

Ngày 18 - 6 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Quang.

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Cao Gia

Bà Nguyễn Thị Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Giáp - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 132/2026/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2025/DS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 276/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 320/2026/QĐ - PT ngày 10/6/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1969 và ông Trần Minh Nguyên, sinh năm 1967. Cùng trú tại: Thôn Phú Thứ, xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm My, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 333B Trường Chinh, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn Phước Mỹ, xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2.2. Chị Nguyễn Thị Nhị, sinh năm 1981. Trú tại: Thôn Phước Mỹ, xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L là nguyên đơn; anh Trần Minh Đ là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bà Nguyễn Thị Diễm My trình bày: Ngày 26/01/2023, trong thời kỳ hôn nhân chị Nguyễn Thị Nhị và anh Trần Minh Đ có vay của vợ chồng ông Trần Minh Nguyên và bà Võ

Thị L (cha, mẹ của anh Đ) số tiền 300.000.000 đồng để mua xe ô tô. Chị Nhị và anh Đ đã trả được 30.000.000 đồng.

Sau đó, chị Nhị và anh Đ chưa có tiền trả nợ, các bên thống nhất ông Trần Minh Nguyên và bà Võ Thị L cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Nhị và anh Trần Minh Đ số tiền 70.000.000 đồng, số tiền còn lại 200.000.000 đồng viết tại giấy nợ ngày 28/02/2023 và sẽ trả dần hằng tháng. Chị Nguyễn Thị Nhị và anh Trần Minh Đ chỉ trả dần được số tiền 26.000.000 đồng.

Do bị đơn vi phạm sự thỏa thuận việc trả nợ nên ông Trần Minh Nguyên và bà Võ Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị Nhị và anh Trần Minh Đ phải cùng liên đới trả lại số tiền 174.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Nhị trình bày:

Chị Nhị và anh Đ có ký giấy nợ ông Nguyễn, bà L số tiền 200.000.000 đồng ngày 28/02/2023. Chị Nhị thừa nhận đã trực tiếp trả cho ông Nguyễn, bà L số tiền 26.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 11/9/2024, chị Nhị vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Tây Hòa số tiền 100.000.000 đồng và giao cho anh Đ để anh Đ trả nợ cho ông Nguyễn, bà L; anh Đ có viết giấy nhận số tiền 100.000.000 đồng. Vì vậy, chị Nhị cho rằng tổng số tiền đã trả là 126.000.000 đồng, chỉ còn nợ 74.000.000 đồng; nếu chia đôi thì chị Nhị chỉ phải trả 37.000.000 đồng, anh Đ phải trả phần còn lại 137.000.000 đồng. Trường hợp anh Đ đã nhận của chị Nhị 100.000.000 đồng nhưng không trả cho ông Nguyễn, bà L thì anh Đ phải chịu trách nhiệm về số tiền này.

Quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn anh Trần Minh Đ có đơn xin vắng mặt và có bản trình bày ý kiến, thống nhất còn nợ và đồng ý cùng chị Nhị trả cho ông Nguyễn, bà L số tiền 174.000.000 đồng; ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2025/DS-ST ngày 30/12/2025 Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, Điều 463, Điều 466, 468, 469 và 470 Bộ luật dân sự. Điều 27, 37 và 60 Luật Hôn nhân & gia đình; Điều 9, 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn chị Nguyễn Thị Nhị.

Buộc chị Nguyễn Thị Nhị, anh Trần Minh Đ phải trả cho vợ chồng ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L số tiền 174.000.000 đồng; Trong đó, chị Nguyễn Thị Nhị phải trả 37.000.000 đồng, anh Trần Minh Đ phải trả 137.000.000 đồng; không xem xét tiền lãi do nguyên đơn không yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/12/2025, nguyên đơn ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L và bị đơn anh Trần Minh Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ

yêu cầu khởi kiện, buộc chị Nguyễn Thị Nhị và anh Trần Minh Đ phải liên đới trả toàn bộ số nợ còn lại cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo; bị đơn anh Trần Minh Đ vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L và kháng cáo của bị đơn anh Trần Minh Đ - Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đắk Lắk theo hướng buộc chị Nguyễn Thị Nhị và anh Trần Minh Đ liên đới trả cho ông Nguyên, bà L số tiền 174.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L và bị đơn anh Trần Minh Đ làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Nhị, anh Trần Minh Đ thừa nhận có ký giấy nợ và hiện còn nợ số tiền gốc chưa được thanh toán cho ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L số tiền 174.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Nhị cho rằng chỉ phải trả số tiền còn lại là 37.000.000 đồng vì trước đó đã vay ngân hàng và đã giao cho anh Đ số tiền 100.000.000 đồng để anh Trần Minh Đ trả cho nguyên đơn.

Xét kháng cáo của của nguyên đơn ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L và bị đơn anh Trần Minh Đ Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình tranh tụng và trong hồ sơ vụ án, không có tài liệu, chứng cứ thể hiện ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L đã nhận số tiền 100.000.000 đồng từ vợ chồng chị Nguyễn Thị Nhị, anh Trần Minh Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trần Minh Đ không thừa nhận việc đã nhận số tiền 100.000.000 đồng từ chị Nguyễn Thị Nhị, việc chị Nguyễn Thị Nhị cho rằng đã giao cho anh Trần Minh Đ số tiền trên để trả nợ thì đây việc giao nhận tiền giữa hai bị đơn. Khoản vay được xác lập trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Nhị và anh Trần Minh Đ cùng ký giấy nợ, cùng thừa nhận do đó là nghĩa vụ chung của vợ chồng đối với bên cho vay, nếu phát sinh tranh chấp thì chị Nguyễn Thị Nhị có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L và bị đơn anh Trần Minh Đ có căn cứ chấp nhận nên cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích ở trên.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị Nhị và anh Trần Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 8.700.000 đồng đối với số tiền phải trả là 174.000.000 đồng.

[3.2] Về án phí dân sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L và của bị đơn anh Trần Minh Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L và kháng cáo của bị đơn anh Trần Minh Đ - Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đắk Lắk.

Tuyên xử

Buộc chị Nguyễn Thị Nhị và anh Trần Minh Đ phải liên đới trả cho ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L số tiền 174.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Nhị và anh Trần Minh Đ mỗi người phải chịu 4.350.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Minh Nguyên và bà Võ Thị L số tiền 4.350.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001769 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L và anh Trần Minh Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Minh Nguyên, bà Võ Thị L và anh Trần Minh Đ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0000357 ngày 12/01/2026 và biên lai thu số 0000356 ngày 12/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và không bị sửa đổi, hủy bỏ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 13 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Quang